

Mã nhận dạng 04905

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Sinh học đại cương - 28-202401

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14113303	THÁI THỊ BÍCH	DH14NHNT	Bích	1	6		60	60	0000000000●00000	●0000000000
2	14113304	HỒ ĐÌNH CẢNH	DH14NHNT	Cảnh	1	8		50	59	70000000●000000	001000000000●
3	14113305	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH14NHNT	Kieu	1	9		75	80	100000000000000	●00000000000
4	14113308	DƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	DH14NHNT	Phuong	1	6		80	74	7000000000●0000	001000●000000
5	14113309	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	DH14NHNT	Tram	1	8		50	59	00000000●000000	0000000000●
6	14113310	NGUYỄN KHÁC TRIÊU	DH14NHNT	Trieu	1	8		55	63	00000000●000000	0000●0000000
7	14113312	NGUYỄN CHÍ TRƯỜNG	DH14NHNT	Trong	1	9		50	62	7000000000●0000	00●000000000
8	14113313	NGUYỄN CẨM TÚ	DH14NHNT	Tu	1	8		45	56	00000000●000000	00000000●000
9	14113425	NGUYỄN KIM CƠ	DH14NHNT	Co	1	8		40	52	00000000●000000	00●000000000
10	14113426	HỒ CHÍ CUÔNG	DH14NHNT	Cuong	1	9		50	62	00000000●000000	00●000000000
11	14113429	NGUYỄN QUỐC DUY	DH14NHNT	Duy	1	6		55	57	00000000●000000	00000000●000
12	14113430	TRẦN NGUYỄN ĐẠT	DH14NHNT	Dat	1	9		40	55	00000000●000000	000000●00000
13	14113431	PHÙ VĂN ĐIỆN	DH14NHNT	Dieu	1	8		50	59	00000000●000000	001000000000●
14	14113433	TRẦN THỊ THANH HIỀN	DH14NHNT	V	1	9				●00000000000000	000000000000
15	14113436	TRINH THỂ HOAN	DH14NHNT	Hoan	1	9		50	62	0000000000●0000	00●000000000
16	14113437	LÊ PHAN THANH HOÀI	DH14NHNT	Hoi	1	8		50	59	00000000●000000	0000000000●
17	14113438	NGUYỄN QUANG HUY	DH14NHNT	Huy	1	9		70	76	00000000●0000	00000000●000

Mã nhận dạng 04905

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Sinh học đại cương - 28-202401

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14113439	VÕ AN	HUY	DH14NHNT	<i>Phuy</i>	1	9	55	66		
19	14113442	ĐÀNG NĂNG HOÀI	LINH	DH14NHNT	<i>V E</i>						
20	14113443	TRẦN BÌNH	LONG	DH14NHNT	<i>2han</i>	1	8	60	66		
21	14113444	NGÔ THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	<i>Luan</i>	1	6	50	53		
22	14113445	QUẢNG THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	<i>Thuan</i>	1	6	55	57		
23	14113446	NGUYỄN THỊ KIM	MİN	DH14NHNT	<i>Klin</i>	1	6	65	64		
24	14113447	NGUYỄN THỊ	MỸ	DH14NHNT	<i>Nhung</i>	1	6	70	67		
25	14113449	LÊ HỮU	NHIỆM	DH14NHNT	<i>Olu</i>	1	9	65	73		
26	14113450	TRẦN VINH	PHÁT	DH14NHNT	<i>Phat</i>	1	6	40	46		
27	14113451	TRẦN VĂN	PHONG	DH14NHNT	<i>VPhan</i>	1	9	45	59		
28	14113452	NGUYỄN ĐẮC	PHÚ	DH14NHNT	<i>Ng</i>	1	8	50	59		
29	14113453	LÊ CÔNG	PHÚC	DH14NHNT	<i>Phu</i>	1	9	60	69		
30	14113454	BÙI VĂN	PHỤNG	DH14NHNT	<i>Phe</i>	1	8	70	73		
31	14113455	NGUYỄN THỊ THỦY	PHƯƠNG	DH14NHNT	<i>Thuong</i>	1	6	75	71		
32	14113456	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	DH14NHNT	<i>Phuoc</i>	1	6	65	64		
33	14113457	PHAN NHƯ NHẬT	QUỲN	DH14NHNT	<i>Quyen</i>	1	6	55	57		
34	14113459	NGUYỄN HỮU	SOÀI	DH14NHNT	<i>E</i>	1	8	50	59		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Sinh học đại cương - 28-202401

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14113460	TRẦN THỊ THANH TÂM	DH14NHNT	<i>Thanh Tâm</i>	1	9		60	69	0112222222222222	0112222222222222
36	14113461	NGUYỄN VŨ HƯNG	DH14NHNT	<i>Hung</i>	1	9		50	62	0112222222222222	0112222222222222
37	14113462	QUẢNG ĐẠI	DH14NHNT	<i>Quang Dai</i>	1	9		55	66	0112222222222222	0112222222222222
38	14113465	VÕ THỊ KIM	DH14NHNT	<i>Kim</i>	1	9		65	73	0112222222222222	0112222222222222
39	14113466	NGUYỄN NGÔ XUÂN	DH14NHNT	<i>Xuan</i>	1	9		55	66	0112222222222222	0112222222222222
40	14113467	ĐÀN TRUNG	DH14NHNT	<i>Dan Trung</i>	1	9		60	69	0112222222222222	0112222222222222
41	14113468	ĐỖ THỊ CẨM	DH14NHNT	<i>Cam</i>	1	6		65	64	0112222222222222	0112222222222222
42	14113469	VÕ VĂN	DH14NHNT	<i>Van</i>	1	9		60	69	0112222222222222	0112222222222222
43	14113470	NGUYỄN	DH14NHNT	<i>Nguyen</i>	1	9		80	83	0112222222222222	0112222222222222
44	14113471	NGUYỄN THỊ THỦY	DH14NHNT	<i>Thuy</i>	1	6		80	74	0112222222222222	0112222222222222
45	14113473	PHAN THỊ MỸ	DH14NHNT	<i>My</i>	1	6		65	64	0112222222222222	0112222222222222
46	14113482	NGUYỄN THANH	DH14NHNT	<i>Thanh</i>	1	8		80	80	0112222222222222	0112222222222222

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kim

Le Van Hân

Le Minh

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Le Phuong Viet Minh